

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 28 - 5 - 2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Huệ và ông Cự A Có

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 12/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H - sinh năm 1961

Địa chỉ: TDP P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai

Có mặt.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn T - sinh năm 1987

Chị Nguyễn Thị V - sinh năm 1991

Địa chỉ: TDP P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai

Anh T có mặt, chị V có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đoàn Văn T1 - sinh năm 1989

Địa chỉ: TDP P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai

- Chị Đoàn Thị H1 - sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ dân phố A, TT T, huyện B, tỉnh Lào Cai

- Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

Địa chỉ: TT Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Minh Q - Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Cao T2 - Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện B.

Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 24/3/2025, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông Đoàn Văn H2 sinh được 3 người con là: Đoàn Thị H1, Đoàn Văn T và Đoàn Văn T1. Năm 1996 vợ chồng bà được cấp quyền sử dụng một thửa đất ở và một số thửa đất lúa, đất vườn tạp tại Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Năm 2008 Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà. Năm 2015, vợ chồng bà tặng cho vợ chồng con trai là anh Đoàn Văn T chị Nguyễn Thị V một phần đất đã được cấp, cụ thể tặng cho thửa đất ở số 143 tờ bản đồ 22 diện tích 120,3m², các thửa đất trồng cây lâu năm số 488 tờ bản đồ 22 diện tích 57,6m² và thửa số 489 tờ bản đồ 22 diện tích 102,9m². Các bên đã ký hợp đồng tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, anh T chị V đã làm thủ tục tặng cho và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/10/2015. Sau khi nhận tặng cho, anh T chị V đã sinh sống và xây nhà cấp bốn trên đất, sử dụng ổn định không tranh chấp với ai. Năm 2020 ông H2 chết không để lại di chúc, bà vẫn sử dụng phần đất còn lại.

Đến năm 2023 Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện dự án hạ tầng Khu đô thị M đã có quyết định số 5836/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 thu hồi thửa đất 143, 488, 489 của anh T và chị V. Sau khi có quyết định thu hồi, anh T chị V đã bàn giao đất và nhà thầu đã tiến hành san gạt mặt bằng. Tuy nhiên sau đó các bên kiểm tra lại mới phát hiện ra có sự nhầm lẫn, toàn bộ các thửa đất vợ chồng bà tặng cho anh T chị V thực tế bà vẫn đang sử dụng, vị trí đất và nhà của anh T chị V sử dụng thực tế không phải các thửa đất đã tặng cho. Do phát hiện nhầm lẫn, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định 5329/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 thu hồi, hủy bỏ quyết định số 5836/QĐ-UBND và sửa lại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Kiểm tra hồ sơ cấp đất nhận thấy thửa đất 143, 488 và 489 được cấp cho hộ gia đình ông H2 bà H, khi cấp đất trong hộ gia đình ông bà còn có các con là chị H1, anh T và anh T1, thời điểm tặng cho anh T1 và chị H1 không biết không ký hợp đồng, đến nay bà và anh T1 chị H1 không đồng ý tặng cho đất.

Hai bên không thống nhất được với nhau biện pháp giải quyết, vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa người tặng cho Đoàn Văn H2, Trần Thị H với người nhận tặng cho Đoàn Văn T, Nguyễn Thị V, thửa đất tặng cho là thửa đất ở đô thị số 143 tờ bản đồ 22 và thửa đất trồng cây lâu năm số 488, 489 tờ bản đồ 22 tại Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai, hợp đồng được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn P ngày 17/8/2018. Đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật như sau: Đề nghị anh T chị V trả lại cho bà và anh T1 chị H1 quyền sử dụng thửa đất số 143, 488 và 489. Đối với số tiền bồi thường anh T chị V đã được chi trả, hiện Ủy ban nhân dân huyện B đã làm việc với anh chị nên bà không đề nghị giải quyết. Bà không yêu cầu khôi phục lại hiện trạng ban đầu của đất.

Đối với bị đơn anh Đoàn Văn T và chị Nguyễn Thị V, tại bản tự khai ngày 02/4/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh chị trình bày:

Anh chị công nhận lời trình bày của bà Trần Thị H là đúng sự thật, sau khi nhận tặng cho anh chị đã làm đầy đủ các làm thủ tục tặng cho, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 846730 ngày 26/10/2015 đối với thửa đất ở 143 diện tích và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 846732 ngày 26/10/2015 đối với hai thửa đất trồng cây lâu năm 488, 489. Trên đất anh chị đã xây 01 nhà cấp 4, sử dụng đất ổn định không có tranh chấp với ai từ năm 2015. Đến năm 2023 Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện dự án hạ tầng Khu đô thị M đã có quyết định số 5836/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 thu hồi thửa đất 143, 488, 489 của anh chị. Anh chị đã được bồi thường về đất, tài sản trên đất và các chính sách hộ trở khi thu hồi đất tổng cộng số tiền là 529.979.649đ, ngoài ra được thông báo sẽ được cấp 01 suất tái định cư chính chủ. Anh chị đã chấp hành quyết định, tháo dỡ di chuyển tài sản bàn giao đất, nhà thầu đã tiến hành san gạt mặt bằng. Tuy nhiên sau đó các bên kiểm tra lại mới phát hiện ra có sự nhầm lẫn về vị trí đất tặng cho và Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành quyết định 5329/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 thu hồi, huỷ bỏ quyết định số 5836/QĐ-UBND và sửa lại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Đến nay bà Trần Thị H làm đơn đề nghị Toà án giải quyết tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu thì anh chị nhất trí trả lại đất cho bà H. Đối với số tiền bồi thường đã nhận anh chị đang làm việc với Ủy ban nhân dân huyện B để hoàn trả lại tiền, anh chị cũng chưa được cấp tái định cư.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị H1 và anh Đoàn Văn T1, lời khai ngày 26/4/2025 chị H1 và anh T1 trình bày:

Anh T1 và chị H1 đều công nhận năm 1996 bố mẹ anh chị được cấp quyền sử dụng thửa đất ở và một số thửa đất trồng cây lâu năm tại tổ dân phố P, thị trấn P. Thời điểm cấp đất thì chị H1 và anh T1 đều cùng hộ khẩu gia đình với ông H2, bà H và anh T. Đến năm 2011 chị H1 xây dựng gia đình ra ở riêng, năm 2012 anh T kết hôn với chị V vẫn chung sống cùng bà H và ông H2, năm 2013 anh T1 xây dựng gia đình. Năm 2015 bà H và ông H2 ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh T thì chị H1 và anh T1 không biết, không được ký vào hợp đồng tặng cho. Nay chị H1 và anh T1 không nhất trí tặng cho đất mà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà H, đề nghị Toà án giải quyết theo tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu và đề nghị anh T chị V trả lại đất cho gia đình.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện B có văn bản trình bày ý kiến như sau:

Năm 1996 Ủy ban nhân dân huyện B giao đất cấp đất cho hộ ông Đoàn Văn H2, cấp cho toàn bộ các thành viên trong hộ gia đình ông H2. Ngày 02/11/2023 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 5836/QĐ-UBND thu hồi thửa đất 143, 488 và 489 của hộ gia đình anh T để thực hiện xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M, thị trấn P, huyện B. Sau khi ban hành quyết định đã có chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị V với số tiền là 529.979.649 đồng. Ngày 31/12/2024 Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành quyết định 5329/QĐ-UBND thu hồi, huỷ bỏ quyết định số 5836/QĐ-UBND và sửa lại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Ủy ban nhân dân

huyện B chưa tổ chức giao đất cấp đất tái định cư cho ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị V. Hiện tại Ủy ban đang tiến hành làm việc với gia đình ông Đoàn Văn T, bà Nguyễn Thị V xác định cụ thể số tiền bồi thường phải hoàn trả đề thu hồi về ngân sách nhà nước. Trong vụ án này Ủy ban nhân dân huyện không yêu cầu gì về số tiền đã chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị V, trường hợp không giải quyết được với hộ gia đình thì sẽ yêu cầu trong vụ án khác.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, các đương sự đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của tòa án. Tòa án đã thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H2 bà H. Ngày 14/4/2025 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất có tranh chấp, kết quả: Toàn bộ thửa đất 143, 488 và 489 không còn hiện trạng ban đầu mà đã được san gạt thành mặt bằng, không xác định được mốc giới, ranh giới đất. Trên đất không có tài sản công trình kiến trúc gì. Kiểm tra hồ sơ pháp lý, sơ đồ địa chính và sơ đồ thu hồi đất nhận thấy: Vị trí thửa đất 143, 488, 489 thực tế trước khi giải phóng mặt bằng là đất của bà Trần Thị H quản lý sử dụng nhưng lại được thống kê, áp giá đền bù cho anh T chị V. Vị trí đất anh T chị V thực tế sử dụng trước khi giải phóng mặt bằng là thửa đất 296 tờ bản đồ 22 của ông Vũ Đình S bà Vũ Thị N. Thửa đất 296 tờ bản đồ 22 của ông Vũ Đình S bà Vũ Thị N cũng đã bị thu hồi theo quyết định 4781/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B. Các đương sự thống nhất xác định giá trị các thửa 143, 488, 489 theo giá tại bảng tổng hợp áp giá bồi thường, thửa ở 143 trị giá 60.150.000đ, thửa đất trồng cây lâu năm 488 và 489 tổng trị giá 6.804.000đ. Tòa án đã lấy lời khai ông Vũ Đình S và bà Vũ Thị N, ông S bà N đều trình bày: gia đình ông bà và gia đình anh T chị V đã tự thống nhất với nhau phương án giải quyết, ông bà không có tranh chấp gì với anh chị.

Tại phiên tòa bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu và đề nghị anh T chị V trả lại cho bà và chị H1 anh T1 quyền sử dụng đất. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: Điều 109, 128, 131, 137 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 167 Luật đất đai 2013; Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 278/HĐTC-QSĐĐ giữa người tặng cho ông Đoàn Văn H2 bà Trần Thị H với người nhận tặng cho anh Đoàn Văn T chị Nguyễn Thị V lập ngày 17/8/2015 đối với các thửa đất 143, 488 và 489 là vô hiệu. Giải quyết hậu quả buộc anh T chị V phải trả lại cho bà H, anh T1 và chị H1 quyền sử dụng thửa đất số 143, 488 và 489. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với anh Đoàn Văn T và chị Nguyễn Thị V vô hiệu, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất". Căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Giao dịch tặng cho giữa các đương sự được xác lập thực hiện năm 2015, vì vậy cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về nguồn gốc đất: Căn cứ tài liệu chứng cứ là hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhận thấy thửa đất 143, 488, 489 tại Tổ dân phố P, thị trấn P được Ủy ban nhân dân huyện B cấp quyền sử dụng lần đầu cho hộ ông Đoàn Văn H2 bà Trần Thị H vào năm 1996, cụ thể là thửa 190 đất ở và thửa 170 đất vườn (tờ bản đồ P4-03). Năm 2008, Ủy ban nhân dân huyện B cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa đất 190 được định danh thửa mới là 143 tờ bản đồ 22 đất ở đô thị diện tích 120,3m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AK128227 cấp ngày 20/12/2008 đứng tên hộ ông Đoàn Văn H2. Đối với thửa đất vườn được xác định là thửa 142 tờ bản đồ 22 và thửa 449 tờ bản đồ 22 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AK 128228 cấp ngày 20/12/2008 đứng tên hộ ông Đoàn Văn H2. Thửa đất 142 sau đó được tách thành thửa các thửa mới 489 (diện tích 102,9m²), 490, 491, 492, 493; thửa đất 449 được tách thành các thửa mới là 487, 488 (diện tích 57,6m²).

2.2. Ngày 17/8/2015 bà H và ông H2 ký hợp đồng tặng cho anh T chị V thửa đất ở 143 và thửa đất vườn 488, 489 tờ bản đồ 22. Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 278/HĐTC-QSĐĐ ngày 17/8/2015 như sau:

Về hình thức: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được lập thành văn bản, có chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn P. Tại thời điểm tặng cho các thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên được quyền tặng cho theo quy định tại Điều 167 Luật đất đai năm 2013.

Về nội dung: Xét thấy hợp đồng có đủ các nội dung theo quy định tại Điều 723 Bộ luật dân sự năm 2005. Tại hợp đồng thể hiện ông Đoàn Văn H2, bà Trần Thị H đồng ý tặng cho anh Đoàn Văn T chị Nguyễn Thị V thửa đất ở 143 và thửa đất vườn 488, 489 tờ bản đồ 22. Tuy hợp đồng có một số lỗi ghi nhầm tặng cho là “chuyển nhượng đất”, tuy nhiên không ảnh hưởng tới bản chất của sự việc.

Về chủ thể: Xét thấy các thửa đất 143, 488 và 489 được cấp quyền sử dụng lần đầu năm 1996 đứng tên hộ ông H2 bà H, năm 2008 cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn xác định cấp cho hộ ông H2. Ủy ban nhân dân huyện B đã trả lời về việc cấp quyền sử dụng là cấp cho các thành viên trong hộ gia đình ông H2 bà H. Theo xác nhận của Công an thị trấn P thì tại thời điểm từ năm 1996 đến 2008, hộ gia đình ông H2 bà H gồm có 05 nhân khẩu là: ông H2, bà H, chị H1, anh T, anh T1. Do đó các thành viên trong hộ gia đình đều có quyền lợi như nhau trong việc quản lý, sử dụng và định đoạt quyền sử dụng đất. Theo quy định tại Điều 109 Bộ luật dân sự 2005 thì việc định đoạt tài sản chung có giá trị lớn của hộ gia đình phải được sự đồng ý của các thành viên từ đủ 15 tuổi trở lên trong hộ

gia đình. Tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất chủ thể tặng cho là ông H2 bà H, thiếu sự tham gia của anh T1 và chị H1 (đã trên 15 tuổi) là trái quy định của pháp luật.

Về đối tượng tặng cho: Các bên tặng cho thửa 143, 488 và 489 tuy nhiên kết quả xem xét thẩm định tại chỗ nhận thấy trước khi giải phóng mặt bằng các bên đã nhầm lẫn vị trí tặng cho, thực tế cả ba thửa đất vẫn do bà Trần Thị H quản lý sử dụng nhưng lại được thống kê, áp giá đền bù cho anh T chị V. Vị trí đất anh T chị V sử dụng trước khi giải phóng mặt bằng là thửa đất 296 tờ bản đồ 22 của ông Vũ Đình S bà Vũ Thị N. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều cho rằng thời điểm tặng cho các bên đều không biết có sự nhầm lẫn vị trí đất mà sau khi giải phóng mặt bằng kiểm tra lại mới phát hiện ra. Như vậy, hợp đồng tặng cho đã có sự nhầm lẫn ngay từ khi giao kết dẫn đến mục đích của việc tặng cho không thể thực hiện được.

Căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án thì sau khi có quyết định thu hồi đất Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành quyết định 5329/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 thu hồi, huỷ bỏ quyết định thu hồi đất của anh T chị V. Vì vậy đến nay các thửa đất hiện chưa bị thu hồi và vẫn đứng tên quyền sử dụng của anh T chị V. Từ các nhận định trên nhận thấy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật (không được sự đồng ý của anh T1 và chị H1 là thành viên trong hộ gia đình) và do nhầm lẫn. Căn cứ Điều 128, 131 Bộ luật dân sự 2005, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của bà H, tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là vô hiệu.

2.3. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu

Theo quy định tại Điều 137 Bộ luật dân sự 2005 thì khi giao dịch dân sự vô hiệu các bên phải hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận. Quá trình giải quyết vụ án bà H đề nghị anh T chị V trả lại các thửa đất đã tặng cho. Bà không yêu cầu anh chị phải khôi phục lại hiện trạng đất, do Ủy ban nhân dân huyện B đã huỷ bỏ quyết định thu hồi đất của anh chị nên bà không yêu cầu anh chị phải hoàn trả các khoản tiền bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất. Xét thấy yêu cầu này của bà H là có căn cứ, cần buộc anh T chị V phải hoàn trả lại quyền sử dụng các thửa đất 143, 488, 489 cho bà H, chị H1 và anh T1. Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan chức năng để thực hiện điều chỉnh biên động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo công văn số 1369/UBND ngày 27/5/2025 của Ủy ban nhân dân huyện B thì sau khi thu hồi đất Ủy ban chưa tổ chức giao đất cấp đất cho anh T chị V nhưng đã thực hiện chi trả bồi thường và chính sách hỗ trợ cho anh T và chị V như sau: bồi thường về đất ở 60.150.000đ, bồi thường đất trồng cây lâu năm 6.804.000đ, bồi thường về tài sản vật kiến trúc 394.225.669đ, bồi thường về tài sản hoa màu 15.163.980đ, chính sách hỗ trợ (hỗ trợ di chuyển nhà, hỗ trợ ổn định đời sống, chuyển đổi việc làm) 53.636.000đ, tổng cộng các khoản được chi trả là: 529.979.649đ. Hiện Ủy ban nhân dân huyện B đã huỷ bỏ quyết định thu hồi đất, tuy nhiên đối với số tiền bồi thường về đất và tiền hỗ trợ khi thu hồi đất anh T chị V đã nhận hiện Ủy ban nhân dân huyện B đang làm việc với anh chị và không có

yêu cầu gì trong vụ việc này. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh T chị V phải chịu 300.000đ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 109, 128, 131, 137 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 167 Luật đất đai 2013

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 278/HĐTC-QSĐĐ giữa người tặng cho ông Đoàn Văn H2 bà Trần Thị H với người nhận tặng cho anh Đoàn Văn T chị Nguyễn Thị V chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn P ngày 17/8/2015 đối với các thửa đất: thửa đất ở số 143 tờ bản đồ 22 diện tích 120,3m², thửa đất trồng cây lâu năm số 488 tờ bản đồ 22 diện tích 57,6m², thửa đất trồng cây lâu năm số 489 tờ bản đồ 22 diện tích 102,9m², địa chỉ các thửa đất: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai, là vô hiệu.

Buộc anh Đoàn Văn T và chị Nguyễn Thị V phải trả lại cho bà Trần Thị H, anh Đoàn Văn T1 và chị Đoàn Thị H1 quyền sử dụng thửa đất số 143 tờ bản đồ 22 diện tích 120,3m² đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CA 846730 ngày 26/10/2015; Thửa đất trồng cây lâu năm số 488 tờ bản đồ 22 diện tích 57,6m² và thửa đất trồng cây lâu năm số 489 tờ bản đồ 22 diện tích 102,9m² đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CA 846731 ngày 26/10/2015. Địa chỉ các thửa đất tại Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2/ Về án phí: Anh Đoàn Văn T và chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị H không phải chịu tiền án phí và được hoàn lại 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0002508 ngày 28/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- Đương sự (5);
- Chi cục THADS Bảo Thắng;
- Lưu HS, VP.

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)**

Hoàng Thị Giang Thanh